TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đổi;

2. Bà Lê Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Ngọc H1, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Phan Hồng H2, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 10 tháng 4 năm 2023 và những lời khai tiếp, nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc H1 trình bày: Bà và ông Phan Hồng H2 chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Bà và ông H2 đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Hồng H2.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phan Hồ Thiên K, sinh ngày 07/10/2019. Con đang sống với bà H1. Khi ly hôn, bà H1 xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Hồng H2 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông thống nhất với bà Hồ Thị Ngọc H1 về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông H2 xác định cuộc sống vợ chồng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không còn hòa hợp nên ông và bà H1 đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của bà H1 thì ông đồng ý ly hôn.

Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung là Phan Hồ Thiên K cho bà H1 tiếp tục nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Hồ Thị Ngọc H1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phan Hồng H2; Ông H2 hiện cư trú tại ấp C, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải vụ án; Tòa án đã thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Ngọc H1 và ông Phan Hồng H2 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên hôn nhân giữa bà H1 và ông H2 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, bà Hồ Thị Ngọc H1 cho rằng do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông H2 đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Mâu thuẫn giữa bà và ông H2 cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết nên bà H1 yêu cầu được ly hôn với ông Phan Hồng H2.

Ông Phan Hồng H2 cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng từ khi sống ly thân đến nay, ông cũng không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Mặt khác, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông và bà H1 vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh nên đồng ý ly hôn với bà Hồ Thị Ngọc H1.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa bà Hồ Thị Ngọc H1 và ông Phan Hồng H2 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Ngọc H1 đối với ông Phan Hồng H2 là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà Hồ Thị Ngọc H1 và ông Phan Hồng H2 thống nhất có 01 con chung là Phan Hồ Thiên K, sinh ngày 07/10/2019. Từ khi ly thân đến nay, bà H1 là người trực tiếp chăm sóc con chung. Bà H1 và ông H2 thống nhất khi ly hôn bà H1 sẽ là người trực tiếp, nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Thấy rằng, sự thống nhất của bà H1 và ông H2 về con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho bà H1 tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng: Bà Hồ Thị Ngọc H1 không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị Ngọc H1 và ông Phan Hồng H2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Hồ Thị Ngọc H1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc H1 đối với ông Phan Hồng H2 về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Ngọc H1 được ly hôn với ông Phan Hồng H2.

- Về con chung: Bà Hồ Thị Ngọc H1 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên là Phan Hồ Thiên K, sinh ngày 07/10/2019. Ông Phan Hồng H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà H1 không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị Ngọc H1 và ông Phan Hồng H2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Ngọc H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008434 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà H1 không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Kim Thảnh